

Đơn vị: Trường Mầm non Mường Vĩ
Bộ phận:
Mã ĐVSDNS: 1026396
ICS: 2.340.000 VNĐ

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 01 NĂM 2025
Lương cơ sở: 2.340.000 đ

Số: 04
Ngày:
Cố:

TT	Mã số CBCC, viên chức	Họ tên	Chức vụ	Năm hưởng thu hút	Lương hệ số										Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH phải trả	Các khoản trừ vào lương					Tổng tiền lương và BHXH còn được nhận	Ký nhân
					Hệ số lương	Hệ số PC chức vụ	Hệ số phụ cấp khác				Ưu đãi 50%	Trắc h nhĩ m	Phân trăm TN nghề	TN nghề quy ra hệ số				Công tổng hệ số	Thành tiền					
							KV													BHYT 1.5%	BHTN 1%	Thuế thu nhập		
A	B	C	D		1	2	3	5	6			7	10	11	12	13	14=11-12+13	15	16	17	18	19	20=14-19	21
		Tổng cộng			53.09	1.25	8	26.132	0	1.81	6.346	94.818	221.875.056		-	-	221.875.056	11.360.495	2.130.093	1.420.062	-	14.910.650	206.964.406	
1	V.07.02.25	Lý Tuyết Mai	Hiệu trưởng	2005	4.32	0.500	0.5	2.410		9%	0.434	8.164	19.103.292				19.103.292	983.511	184.408	122.939		1.290.858	17.812.434	CK
2	V.07.02.25	Phạm Thị Thuý Linh	P. Hiệu trưởng	12/2008	4.32	0.350	0.5	2.335		21%	0.981	8.486	19.856.538				19.856.538	1.057.811	198.340	132.226		1.388.377	18.468.161	CK
3	V.07.02.26	Trần Thị Hương	Giáo viên	9/2012	3.34		0.5	1.670		15%	0.501	6.011	14.065.740				14.065.740	719.035	134.819	89.879		943.733	13.122.007	CK
4	V.07.02.26	Phạm Thị Hoàn	Giáo viên	9/2009	3.34	0.20	0.5	1.770		14%	0.496	6.306	14.755.104				14.755.104	755.464	141.650	94.433		991.547	13.763.557	CK
5	V.07.02.26	Hoàng Thị Hà	Giáo viên	9/2008	3.34	0.20	0.5	1.770		14%	0.496	6.306	14.755.104				14.755.104	755.464	141.650	94.433		991.547	13.763.557	CK
6	V.07.02.26	Vũ Thị Xuyên	Giáo viên	9/2010	3.34		0.5	1.670		12%	0.401	5.911	13.831.272				13.831.272	700.278	131.302	87.535		919.115	12.912.157	CK
7	V.07.02.06	Lưu Thị Hoa	Giáo viên	2/2009	2.72		0.5	1.360		8%	0.218	4.798	11.226.384				11.226.384	549.919	103.110	68.740		721.769	10.504.615	CK
8	V.07.02.06	Vũ Thị Nguyệt	Giáo viên	9/2009	3.34		0.5	1.670		13%	0.434	5.944	13.909.428				13.909.428	706.530	132.474	88.316		927.320	12.982.108	CK
9	V.07.02.26	Hoàng Thị Lê Tuyết	Giáo viên		3.34		0.5	1.670		12%	0.401	5.911	13.831.272				13.831.272	700.278	131.302	87.535		919.115	12.912.157	CK
10	V.07.02.26	Lương Thị Loan	Giáo viên		3.03		0.5	1.515		11%	0.333	5.378	12.585.222				12.585.222	629.610	118.052	78.701		826.363	11.758.859	CK
11	V.07.03.05	Lê Thị Thanh Hào	Giáo viên		3.65		0.5	1.825		16%	0.584	6.559	15.348.060				15.348.060	792.605	148.613	99.076		1.040.294	14.307.766	CK
12	V.07.02.06	Đoàn Thị Vân	Giáo viên		2.72		0.5	1.360		8%	0.218	4.798	11.226.384				11.226.384	549.919	103.110	68.740		721.769	10.504.615	CK
13	V.07.02.06	Bùi Thị Ngươn	Giáo viên		3.34		0.5	1.670		12%	0.401	5.911	13.831.272				13.831.272	700.278	131.302	87.535		919.115	12.912.157	CK
14	V.07.02.26	Phạm Thị Lan	Giáo viên		3.03		0.5	1.515		10%	0.303	5.348	12.514.320				12.514.320	623.938	116.988	77.992		818.918	11.695.402	CK
15	V.07.02.06	Tần Nguyễn Phụng	Giáo viên		2.46		0.5	1.230		6%	0.148	4.338	10.149.984				10.149.984	488.143	91.527	61.018		640.688	9.509.296	CK
16	16297	Vàng Thị Duyên	NV Y Tế		3.46		0.5	0.692			0.000	4.652	10.885.680				10.885.680	647.712	121.446	80.964		850.122	10.035.558	CK
CỘNG					53.090	1.250	8.00	26.132	0		6.346	94.818	221.875.056	0	0	0	221.875.056	11.360.495	2.130.093	1.420.062		14.910.650	206.964.406	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm linh sáu triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm linh sáu đồng chẵn

Ghi chú:

Người lập
(Ký, họ tên)

Tô Thị Yến

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tô Thị Yến

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

